QUAN HỆ HỢP TÁC VIỆT NAM VÀ LIÊN MINH CHÂU ÂU TRONG TRIỂN KHAI CƠ CHẾ PHÁT TRIỂN SẠCH (CDM)

Ths. Nguyễn Bích Thuận

Viện Nghiên cứu Châu Âu

Theo Nghị định thư Kyoto được ký vào tháng 12 năm 1997, Liên minh Châu Âu thuộc nhóm nước trong phụ lục 1 – những nước phải cam kết giảm phát thải của mình giai đoạn tới 2020 xuống dưới mức phát thải năm 1990 với mức giảm là 20%. Đây là nhiệm vụ khó khăn, đòi hỏi EU phải có những giải pháp chủ động, tích cực để thực hiện nhiệm vụ này. Việt Nam không thuộc các quốc gia phải cam kết giảm phát thải, nhưng là một quốc gia có nhiều tiềm năng tham gia cơ chế cắt giảm phát thải, đó là cơ chế phát triển sạch (CDM). Cơ chế cắt giảm phát thải trong Nghị định thư Kyoto có thể tạo cơ hội cho hai bên Việt Nam và Liên minh Châu Âu hợp tác để cùng nhau giảm phát thải chất gây hiệu ứng nhà kính nói riêng và cùng giải quyết những vấn đề biến đổi khí hậu nói chung.

Bài viết này sẽ phân tích những triển vọng hợp tác giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu trong triển khai cơ chế phát triển sạch (CDM), góp phần cùng thực hiện chống biến đổi khí hậu toàn cầu.

1. Một số chính sách của Liên minh Châu Âu thực hiện nhằm cắt giảm khí thải theo Nghị định thư Kyoto

Là một khu vực chỉ chiếm 15% lượng phát thải CO_2 ra toàn thế giới, Liên minh Châu Âu cam kết cắt giảm chất thải gây hiệu ứng nhà kính 20% vào năm 2020 so với mức thải vào năm 1990, tương đương 4.458 tỷ tấn. Như trên đã đề cập, để thực hiện các mục tiêu cắt giảm chất gây phát thải, Nghị định thư Kyoto đã đưa ra cơ chế linh hoạt cho các nước thực hiện giảm phát thải toàn cầu với chi phí thấp nhất, đó là: (1) Cơ chế đồng thực hiện – JI: Cơ chế có phối hợp thực hiện các dự án hợp tác về khí hậu giữa các nước phát triển với nhau, các doanh nghiệp được nhận giấy chứng chỉ giảm phát thải (ERU); (2) Cơ chế buôn bán phát thải – IET: Cơ chế buôn bán phát thải IET cho phép các nước phát triển "mua" lại chứng chỉ giảm phát thải từ các nước khác, chủ yếu mua từ các nước đang phát triển nơi mà mức phát thải thấp hoặc chưa đến ngưỡng yêu cầu giảm phát thải. Các nước đang phát triển chủ yếu tham gia vào hai cơ chế là CDM và IET, đặc biệt là CDM. (3) Cơ chế phát triển sạch – CDM, cơ chế này được hiểu là một thị trường hạn ngạch cacbon (các loại khí thải khác đều được qui ra cacbon tương đương). CDM cho phép các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân ở các nước công nghiệp hoá thực hiện các dự án giảm phát

Trên cơ sở các cơ chế được quy định trong Nghị định thư Kyoto, Liên minh Châu Âu là nước tích cực trong triển khai, ký kết, tham gia Nghị định thư Kyoto sớm nhất. EU cũng là khu vực đã triển khai nhiều chính sách cụ thể nhằm thực hiện mục tiêu cam kết, quyết tâm của EU trong việc đi đầu trong ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững trên toàn khu vực châu Âu. Mục tiêu này đã được khẳng định trong chiến lược phát triển bền vững của EU trong năm 2001: (1) Các nước thành viên phải nghiêm chỉnh thực hiện Nghị định thư Kyoto đã ký, theo đó các nước thành viên và nhiều ngành kinh tế phải cam kết giảm khí thải theo Nghị định đã ký. Do vậy, EU yêu cầu các nước thành viên cùng thực hiện giảm khí thải ra môi trường mỗi năm là 1% so với mức năm 1990 cho đến năm 2020; (2) Thúc đẩy việc giảm các khí thải ở các nước công nghiệp lớn khác; (3) Hạn chế ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và tăng cường sử dụng nguyên liệu sạch, nguyên liệu tái tạo.

Cùng với đó, Liên minh Châu Âu ban hành chính sách về khí hậu và năng lượng, đặt ra mục tiêu với những số liệu cụ thể như: Cắt giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính xuống 20% (cắt giảm 30% nếu EU có thể đạt được thoả thuận với các nước phát triển khác về lượng cắt giảm tương đương). Để có thể đạt được mục tiêu đó, trong chính sách về khí hậu và năng lượng ban hành năm 2008 đã quy định các nhà máy điện và các ngành công nghiệp năng lượng phải cắt giảm 21% so với mức năm 2005 vào năm 2020. Thêm vào đó, đối với những ngành không nằm trong chương trình thương mại trao đổi khí thải như giao thông vận tải, nông nghiệp phải giảm lượng khí thải xuống 10% so với mức năm 2005 vào năm 2020. Trong chính sách năng lượng và môi trường của EU cũng đề cập: Sử dụng năng lượng hiệu quả hơn, nhằm giảm lượng tiêu dùng năng lượng xuống 20%. Tích cực sử dụng các năng lượng tái tạo (năng lượng từ sức gió, năng lượng mặt trời và sinh học), với mục tiêu năng lượng tái tạo sẽ chiếm 20% nhu cầu về năng lượng của EU[1], so với khoảng 8.5% vào thời điểm hiện nay, thường được gọi là mục tiêu 20-20-20.

Liên minh Châu Âu cũng ban hành chính sách để nhằm thực hiện mục tiêu cắt giảm chất thải. Đó là cơ chế buôn bán phát thải châu Âu giai đoạn 2005 - 2020 – Chỉ thị 2003/87/EC (gọi tắt chỉ thị ETS). Cơ chế này nhằm "Quyết định về san sẻ các nỗ lực giảm khí thải" giữa các nước thành viên giàu và nghèo của EU để đạt được mục tiêu đặt ra

[1] http://ec.europa.eu/climateaction/docs/climate-energy_summary_en.pdf

đối với các loại khí thải không nằm trong hệ thống EU ETS; Đề ra mục tiêu cụ thể cho từng quốc gia thành viên trong việc sử dụng năng lượng tái tạo; Ban hành một khung pháp luật để thúc đẩy việc thu giữ và lưu trữ khí CO_2 dưới lòng đất để không tác động đến quá trình biến đổi khí hậu[2]. Đối với cơ chế buôn bán phát thải (ETS) của EU, chính sách này được chia làm 3 giai đoạn[3]: Giai đoạn 1 từ năm 2005 – 2007; giai đoạn 2 từ năm 2008 – 2012 và giai đoạn 3 từ 2013 – 2020. Với từng giai đoạn, EU đã đề xuất từng mức cắt giảm, đồng thời đưa ra cơ chế tài chính đảm bảo thực hiện cơ chế buôn bán phát thải, nhưng theo cơ chế này không áp dụng cho giai đoạn 3 của cơ chế ETS để thực hiện mục tiêu cắt giảm 20% khí thải gây hiệu ứng nhà kính vào năm 2020.

Như vậy, sự vận hành hiệu quả hệ thống ETS của EU đã buộc các doanh nghiệp ở Liên minh Châu Âu phải thực thi cam kết cắt giảm theo mức quy định đối với từng quốc gia. Ngoài những mục tiêu chung, chính sách ETS của EU cũng hướng tới: (1) Tăng cường bán đấu giá toàn bộ các giấy phép phát thải chứ không thực hiện phát miễn phí như trong giai đoạn 1 và 2, là cơ sở để EU có thêm nguồn ngân sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ giảm thải và thân thiện với môi trường. Cụ thể, dự kiến trong giai đoạn 3 sẽ được thực hiện như sau: 88% số giấy phép sẽ được phân bổ đến các nước, căn cứ vào mức phát thải bình quân giai đoạn 2005-2007; 10% số giấy phép tiếp theo được phân bổ cho các thành viên có mức GDP/đầu người thấp làm cơ sở khuyến khích đổi mới đầu tư công nghệ và 2% số giấy phép còn lại được phân bổ cho những nước thành viên nào đạt được mức cam kết chỉ tiêu Kyoto cho đến giai đoạn đến 2012; (2) Tiếp tục mở rộng hệ thống ETS ra toàn bộ các cơ sở phát thải khí nhà kính CO_2 và khí Nitơ trong toàn khu vực như các cơ sở phát thải trong lĩnh vực hóa học, hàng không, sản xuất nhôm…; (3) Gắn kết chặt chẽ hơn giữa các chỉ tiêu của hệ thống với mục tiêu giảm thải được cam kết đến 2050 của EU là giảm 20% vào năm 2020 và 50% vào năm 2050 so với mức phát thải năm 1990; (4) Chứng chỉ giảm phát thải từ các dự án CDM tại các nước đang phát triển sẽ được giao dịch đến 31/3/2015.

Ngoài cơ chế ETS, EU cũng ban hành Chỉ thị 2004/101/EC (gọi tắt là Chỉ thị Liên kết giữa ETS với cơ chế CDM/JI). EU còn sử dụng cơ chế JI/CDM, là một giải pháp đỡ tốn kém cho các quốc gia này mà vẫn đạt được mục tiêu giảm khí thải. Theo chỉ thị này, EU cho phép mỗi năm trung bình các nước thành viên chỉ cần sử dụng 3% CER/ERU trong lượng khí thải mà họ cần

---

[2] http://ec.europa.eu/clima/policies/package/index_en.htm

[3] Cơ chế thực hiện của hệ thống buôn bán phát thải Liên minh Châu Âu được vận hành thông qua việc phân bổ và mua bán giấy phép phát thải khí nhà kính cho các quốc gia thành viên (National Allocation Plans (NAP). Việc phân bổ các giấy phép căn cứ vào tổng lượng phát thải của các cơ sở lắp đặt trên tất cả các lĩnh vực như điện, luyện kim, khai khoáng… đặt tại các nước thành viên trên toàn khu vực EU. Các giấy phép phân bổ hạn ngạch phát thải từ EU tới các nước thành viên tiếp tục được phân bổ tới các cơ sở phát thải đã được đăng ký.

cắt giảm cũng có thể đạt đủ mục tiêu cắt giảm khí thải đã được đề ra. EU cũng cho phép các doanh nghiệp, tổ chức khai thác CDM đối với các nước không thuộc diện cắt giảm theo Nghị định thư Kyoto, tham gia cơ chế CDM với các nước hoặc doanh nghiệp ở các nước này là một lựa chọn tốt cho các doanh nghiệp của Liên minh Châu Âu trong thực hiện nghĩa vụ cắt giảm chất gây hiệu ứng toàn cầu, đồng thời cũng đem lại hiệu quả cho các doanh nghiệp dự án tham gia cơ chế phát triển sạch. Như vậy, cơ chế buôn bán phát thải ETS và cơ chế CDM/JI của EU là cơ chế hợp tác hữu hiệu giữa Liên minh Châu Âu với các đối tác không chịu cam kết cắt giảm chất phát thải theo Nghị định thư Kyoto, đồng thời vẫn đảm bảo cho EU thực hiện cam kết đầy đủ của mình với cộng đồng quốc tế.

Rõ ràng, Chỉ thị kết nối EU ETS với cơ chế CDM/JI với mục tiêu thúc đẩy việc trao đổi khí thải của EU ETS với các thị trường carbon khác. Theo đó, EU ETS cho phép các doanh nghiệp có thể sử dụng các sản phẩm của CDM – CERs hoặc theo cơ chế JI – EURs để có thể đạt được mục tiêu giảm phát thải đã được đề ra. Thông qua các chứng chỉ từ các dự án CDM mang đến cho các doanh nghiệp nhiều sự lựa chọn hơn, nhờ đó giảm chi phí cho các doanh nghiệp khi tuân thủ chính sách của EU. Tuy nhiên, luật pháp hiện tại của EU không công nhận chứng nhận phát thải khí thuộc lĩnh vực hạt nhân và rừng tạm thời đối với các dự án CDM. Thêm vào đó, EU cũng có những quy định kèm theo khi sử dụng các chứng nhận phát thải từ các dự án thủy điện lớn[4]. Đối với các nước thành viên, việc triển khai việc kết EU ETS với CDM đều có quy định riêng, với mục tiêu cuối cùng là cắt giảm lượng khí CO_2 theo cam kết. Cụ thể, trong khi Đức và Anh có những quy định khá chặt chẽ trong việc sử dụng CERs để đáp ứng được lượng khí thải cần giảm, những quy định liên quan đến vấn đề này của Hà Lan và Tây Ban Nha lại khá đơn giản. Tại Đức, để CERs được chấp nhận thay thế cho ETS, dự án CDM phải là dự án hợp tác với các nước khác và phải có xác nhận về đánh giá tác động của dự án đến môi trường và tài liệu thiết kế dự án phải được Ban Điều hành phê duyệt. Ngược lại, các quy định liên quan ở Hà Lan rất đơn giản, thuận tiện và không yêu cầu phải có tài liệu thiết kế dự án. Còn tại Tây Ban Nha không có thêm bất kỳ điều kiện nào dành cho các doanh nghiệp mua CERs, đồng thời các dự án thuộc lĩnh vực sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp được cho phép từ năm 2008.

Tóm lại, Liên minh Châu Âu sẽ phải cắt giảm 8% phát thải khí nhà kính cho đến 31 tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên, chính sách thương mại buôn bán phát thải (ETS) của EU đã bộc lộ những khiếm khuyết như việc phân bổ quá mức và miễn phí các giấy phép phát thải trong giai đoạn thử nghiệm dẫn đến giá cả tín dụng của những giấy phép này có những thời điểm đã trở về con số 0. Điều này

[4] http://ec.europa.eu/clima/policies/ets/linking_ji-cdm_en.htm

dẫn đến nguồn thu ngân sách của EU không những không đạt được mà còn ảnh hưởng khá nhiều đến mục tiêu giảm thải đã được đề ra. Mặt khác, mức độ giao động giá cả lớn đối với chứng chỉ phát thải (CER/ERU) khiến không ít các nhà đầu tư tỏ ra nghi ngại khi đưa ra chiến lược đầu tư vào công nghệ giảm thải cácbon trong những dự án CDM tại các nước đang phát triển. Tuy nhiên, cơ chế ETS của EU đã thực hiện đến nay chiếm tới 40% tổng lượng phát thải, điều này là cơ sở để các nước thành viên EU triển khai các dự án CDM tại các nước đang phát triển… Cơ chế ETS của EU đang ngày càng chứng tỏ là công cụ hiệu quả không chỉ giúp cho EU mà còn là một cơ chế chung hữu hiệu đối với cộng đồng quốc tế tham gia trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu toàn cầu.

2. Chính sách của Việt Nam trong triển khai cơ chế phát triển sạch (CDM)

Trong bối cảnh toàn cầu, các nước trên thế giới hiện nay đang phải hứng chịu những tác động của biến đổi khí hậu trên trái đất. Việt Nam và các nước trên thế giới đã phối hợp hành động nhằm hạn chế những biến đổi khí hậu gây ra hiện tượng nóng lên của trái đất. Chính phủ Việt Nam đã sớm tham gia và phê chuẩn Công ước khung của Liên hiệp quốc về Biến đổi khí hậu và Nghị định thư Kyoto, đồng thời chỉ đạo từng bước hoàn thiện các văn bản pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tháng 12 năm 2008, Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu đã được phê duyệt. Đây là một trong những nỗ lực quan trọng của Chính phủ cùng với sự hỗ trợ của cộng đồng các nhà tài trợ quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam. Để tiếp tục tìm giải pháp sau khi Nghị định thư Kyoto hết hiệu lực vào năm 2012, nhiều cuộc họp toàn cầu về biến đổi khí hậu đã diễn ra tại Copenhagen - Đan Mạch (2009), Cancun - Mêhicô (2010) nhằm tìm giải pháp về vấn đề môi trường toàn cầu.

Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng nên ngoài tham gia Công ước và Diễn đàn toàn cầu về biến đổi khí hậu, chính phủ Việt Nam đã thấy rõ những tác động của biến đổi khí hậu tác động đến kinh tế - xã hội. Vì thế, trong chính sách phát triển giai đoạn 2011 – 2020 của Việt Nam, Nhà nước đã tập trung: *"Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững, phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt và phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Nước ta có điều kiện phát triển nhanh và yêu cầu phát triển nhanh cũng đang đặt ra hết sức cấp thiết. Phát triển bền vững là cơ sở để phát triển nhanh, phát triển nhanh để tạo nguồn lực cho phát triển bền vững"*[5]. Mặt khác, Việt Nam với định hướng cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, làm các hoạt động sản xuất và tiêu thụ năng lượng của cả nền kinh tế sẽ

[5] *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2020*, Đại hội XI, Đảng Cộng sản Việt Nam.

tăng cường mạnh mẽ, đặc biệt là trong công nghiệp, giao thông vận tải, phát triển đô thị. Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, quá trình phát triển không thể tách rời việc giảm phát thải khí nhà kính nhằm góp phần bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất. Việc đánh giá, quản lý phát thải khí nhà kính trong các ngành kinh tế - xã hội, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới đã được Việt Nam chú trọng trong phát triển tới giai đoạn 2020.

Để hướng tới mục tiêu phát triển nhanh và bền vững, nhiều chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu gắn với phát triển kinh tế - xã hội được lãnh đạo Đảng, Nhà nước Việt Nam đặc biệt quan tâm. Trong đó, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định 58/2008/QĐ-TTg, xác định việc ứng phó với biến đổi khí hậu cần tiến hành trên nguyên tắc phát triển bền vững, bảo đảm tính hệ thống, tổng hợp, liên ngành, vùng, liên vùng; Khẳng định tiến hành có trọng tâm, trọng điểm trước những vấn đề cấp bách và những tác động lâu dài, đảm bảo đầu tư ứng phó hôm nay hướng tới giảm được những thiệt hại trong tương lai. Đặc biệt, ngày 5/12/2011, Chính phủ Việt Nam phê duyệt chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến 2050 và tầm nhìn tới 2100. Mục tiêu chiến lược là ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu đối với các lĩnh vực, ngành, địa phương và xây dựng được kế hoạch hành động khả thi cho từng giai đoạn đến năm 2050 và tầm nhìn đến 2100.

Việt Nam là một nước trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, mặc dù không phải nước thuộc diện cắt giảm chất gây hiệu ứng nhà kính nhưng đã sớm gia nhập Nghị định thư Kyoto, góp phần cùng cộng đồng thế giới chống lại những tác nhân gây biến đổi khí hậu. Đồng thời, việc tham gia Nghị định thư, Việt Nam tận dụng cơ chế phát triển sạch được quy định trong Nghị định thư Kyoto trong phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện các mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững. Việt Nam là một trong những quốc gia có lợi thế về địa lý, tài nguyên, là tiềm năng cho khai thác và phát triển kinh tế - xã hội theo hướng phát triển bền vững, nên có thể tham gia Cơ chế phát triển sạch (CDM) trong Nghị định thư Kyoto. Việt Nam được đánh giá là một nước có nhiều tiềm năng để vừa khai thác các dự án CDM ở khi vực Châu Á – Thái Bình Dương với điều kiện tự nhiên và kinh tế có nhiều ưu thế để khai thác hiệu quả CDM đem lại vừa nhằm thực hiện mục tiêu giảm thiểu tác hại cho môi trường, đưa được khoa học - công nghệ mới trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thu các khoản tín dụng đáng kể trong việc bán chứng chỉ phát thải… Vì thế, tháng 3 năm 2003, theo yêu cầu của Nghị định thư Kyoto và Thoả thuận bổ sung Marrakech, Việt Nam đã thành lập Cơ quan quốc gia về CDM trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đồng thời, Chính phủ Việt

Nam ngày càng hoàn thiện các chính sách và pháp luật về Cơ chế Phát triển sạch (CDM). Cụ thể từ năm 2005, Chính phủ đã có các chỉ thị về thực hiện Cơ chế Phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto. Đặc biệt, năm 2006, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 10/2006/TT – BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2006, hướng dẫn xây dựng dự án Cơ chế Phát triển sạch trong khuôn khổ Nghị định thư Kyoto thay thế thông tư 12/2010/ TT – BTNMT ngày 26 tháng 7 năm 2010. Tiếp theo là Quyết định số 47/2007/QĐ-TTg ngày 6/4/2007 của Thủ tướng Chính, phủ giao Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành, địa phương có liên quan thực hiện Nghị định thư Kyoto và CDM; Quyết định số 130/2007/QĐ-TTG ngày 2 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch... Đây là các cơ sở pháp lý quan trọng, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư triển khai các dự án CDM ở nước ta.

Sau những khó khăn trong việc triển khai thực hiện cơ chế phát triển sạch, tính đến ngày 31/12/2011, Việt Nam đã có 91 dự án CDM được Ban Điều hành (Executive Board – EB) công nhận[6] với lượng giảm khí nhà kính là 41.758.962 tấn CO_2 tương đương.

Rõ ràng kết quả thu được từ các dự án CDM ở nước ta trong thời gian qua là hết sức thiết thực và có hiệu quả, ngoài việc giảm chất gây phát thải, các chủ đầu tư Việt Nam còn thu được khoản tài chính về việc bán chứng chỉ phát thải[7]. Việt Nam cũng nhiều tiềm năng khai thác cơ chế CDM, nhưng các doanh nghiệp Việt Nam trong thời gian qua đã và đang làm thủ tục cho Cơ quan có thẩm quyền quốc gia về CDM (Designated National Authorities – DNA) phê duyệt Văn kiện thiết kế dự án (Project design document – PDD) số dự án đang trình xin PDD tập trung vào những lĩnh vực hiện nay vốn được thiên nhiên ưu đãi như thủy điện sau đó mới đến các dự án liên đến quan năng lượng tái tạo thông qua xử lý thu hồi khí ở các nhà máy (xem thêm Bảng 1).

[6] http://www.noccop.org.vn, tải ngày 20 tháng 1 năm 2012

[7] Ví dụ: Dự án thủy điện Ngòi Hút do Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Điện miền Bắc 2. Dự án đăng ký thành công với ban chấp hành quản lý dự án CDM quốc tê, Liên hợp quốc trong quý 4 năm 2010, góp phần giảm lượng khí phát thải toàn cầu tương đương 168..597 tấn CO_2/năm, mang lại nguồn thu đáng kể hàng năm là 2.303.729 USD, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư của dự án. Nguồn: *Văn kiện thiết kế trình đăng ký lên Liên hiệp quốc của dự án Ngòi Hút, Công ty cổ phần và đầu tư Điện miền Bắc 2, http://www.nedi2.com.vn/default.aspx?ModuleID=118&NewsID=129*

***Bảng 1*: Lĩnh vực dự án CDM đang chờ thư phê duyệt PDD từ DNA Việt Nam**

(tháng 5/2010 đến 31/12/2011)

STT	Lĩnh vực	Số lượng
1	Xử lý nước thải	12
2	Thủy điện	131
3	Thu hồi khí	2
4	Tái trồng rừng	0
5	Tái chế rác thải	4
6	Phong điện	4
7	Xử lý thu hồi khí mêtan	12
8	Gạch không nung	15
9	Năng lượng khác (nồi hơi sinh khí)	21
10	Đèn huỳnh quang	1
	Tổng cộng	**202**

Nguồn: Cục Khí hậu thủy văn và Biến đổi khí hậu, http://www.noccop.org.vn/modules.php?name=Airvariable_Projects&file=index&opcase=viewprocat&pro_cate_id=75&menuid=97

Việt Nam cũng đã có nhiều ngành bước đầu nghiên cứu và xây dựng các dự án tiềm năng về CDM trong các lĩnh vực như: bảo tồn và tiết kiệm năng lượng; chuyển đổi sử dụng nhiên liệu hóa thạch; thu hồi và sử dụng CH4 từ bãi rác và khai thác than; ứng dụng năng lượng tái tạo; trồng mới rừng cây và tái trồng rừng; thu hồi và sử dụng khí đốt đồng hành. Mặc dù được giới chuyên môn đánh giá là nước đang phát triển có tiềm năng CDM trong các ngành tiết kiệm năng lượng, trồng rừng, thu hồi khí rác thải và chăn nuôi… trong giai đoạn 2011-2020, Việt Nam có thể giảm khoảng 80-120 triệu tấn CO2, thế nhưng trên cả nước, số doanh nghiệp tham gia vào thị trường cắt giảm khí phát thải chưa nhiều.

Rõ ràng, Việt Nam trong thời gian qua nhận thức, hiểu biết về CDM và những quyền lợi, lợi ích do CDM mang lại đã từng bước được nâng cao, nhưng thực tế vẫn còn nhiều hạn chế như: thiếu thông tin về CDM, khung pháp lý phù hợp còn đang trong giai đoạn hoàn chỉnh, vấn đề CDM còn chưa được lồng ghép vào chiến lược kế hoạch phát triển tổng thể của các bộ, ngành, cơ quan và địa phương, nguồn tài chính cho CDM còn hạn hẹp…

3. Khả năng hợp tác Việt Nam – Liên minh Châu Âu trong triển khai cơ chế phát triển sạch (CDM)

Quan hệ chính trị giữa Việt Nam và EU trong những năm gần đây phát triển khá mạnh mẽ, đã tạo điều kiện thúc đẩy quan hệ hợp tác nói chung, kinh tế nói riêng giữa hai bên. Hai bên đã hình thành một khuôn khổ

Hiện nay, Liên minh Châu Âu nói chung và các nước thành viên đã chú trọng hợp tác với Việt Nam trong lĩnh vực môi trường, chống biến đổi khí hậu. EU nói chung và các nước thành viên trong chính sách hợp tác của mình với Việt Nam đã ưu tiên hợp tác trong lĩnh vực môi trường và phát triển bền vững trong khuôn khổ song phương, khu vực và toàn cầu. Như trên đã phân tích, với những tiềm năng và nhu cầu hợp tác về môi trường, EU và Việt Nam có nhiều cơ hội trong hợp tác nhằm ứng phó biến đổi khí hậu, môi trường ở Việt Nam và khu vực, đặc biệt EU có thể triển khai các cơ chế trong Nghị định thư Kyoto với Việt Nam xuất phát từ việc đây là một nước có tiềm năng thực hiện cơ chế phát triển sạch (CDM) và EU sử dụng cơ chế ETS và CDM/JI của mình vẫn thực hiện đầy đủ cam kết cắt giảm chất thải gây biến đổi khí hậu.

Nhìn chung, triển vọng hợp tác trong phát triển bền vững, chống biến đổi khí hậu, nhất là trong lĩnh vực hợp tác triển khai cơ chế CDM/JI giữa Việt Nam – một nước đang phát triển, không chịu cam kết cắt giảm khí gây biến đổi khí hậu và Liên minh Châu Âu – một nước khu vực phát triển là:

Thứ nhất, *EU hỗ trợ Việt Nam xây dựng và triển khai chiến lược ứng phó biến phó biến đổi khí hậu.* Là một nước chịu nhiều tác động của biến đối khí hậu, Việt Nam đã xây dựng chiến lược quốc gia ứng phó biến đổi khí hậu, thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia Ứng phó với biến đổi khí hậu (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg), theo đó các bộ, ngành, cơ quan, địa phương có liên quan xây dựng, thực hiện các chương trình, dự án giảm nhẹ phát thải các chất gây hiệu ứng nhà kính nói chung và các dự án CDM nói riêng nhằm tận dụng cơ hội phát triển nền kinh tế theo hướng các-bon thấp cũng như tích cực cùng cộng đồng quốc tế trong nỗ lực giảm nhẹ biến đổi khí hậu, bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất. Để đẩy mạnh hơn nữa

các hoạt động CDM tại Việt Nam phục vụ công cuộc phát triển bền vững đất nước, đồng thời khai thác được tiềm năng, phát triển dự án CDM nhằm giảm thiểu chất gây phát thải nhà kính gây hại cho môi trường; Để triển khai hiệu quả, Việt Nam tiếp tục tranh thủ kinh nghiệm của Liên minh Châu Âu trong việc triển khai ứng phó biến đổi khí hậu, tiếp nhận các dự án tài trợ liên quan nhằm giảm tác nhân gây biến đổi khí hậu từ EU nói chung và các nước thành viên Liên minh Châu Âu.

Thứ hai, Việt Nam xúc tiến thu hút đầu tư và chuyển giao công nghệ từ EU với các dự án tham gia cơ chế phát triển sạch (CDM). Trong hợp tác đầu tư với Liên minh Châu Âu, các nhà đầu tư của EU đã vào Việt Nam rất sớm, ngay sau khi Luật Đầu tư nước ngoài được ban hành vào năm 1987. Đến ngày 20 tháng 10 năm 2010, với 1.036 dự án, tổng số vốn đăng ký xấp xỉ 16 tỷ USD, vốn điều lệ đạt 7,6 tỷ USD, EU được coi là một nhà đầu tư hàng đầu tại Việt Nam. Các nhà đầu tư EU đã có hầu hết các ngành kinh tế quan trọng của Việt Nam tập trung vào các ngành công nghiệp và xây dựng, chiếm 52% số dự án và khoảng 59% tổng vốn đầu tư, tiếp theo là khai thác dầu khí với gần 20 dự án và 2,4 tỷ USD vốn đầu tư. Lĩnh vực dịch vụ chiếm 35% dự án và chiếm 32% tổng số vốn đầu tư, còn lại các dự án đầu tư vào nông, lâm nghiệp. Nhiều công ty hàng đầu của Liên minh Châu Âu đã đầu tư vào Việt Nam, gần đây các nhà đầu tư EU đã dần chuyển dịch vào những ngành công nghiệp công nghệ cao. Để tiếp tục thu hút các nhà đầu tư EU vào Việt Nam theo cơ chế ETS của EU với triển khai Cơ chế Phát triển sạch (CDM), Việt Nam cần tiếp tục xúc tiến, ưu đãi cho các doanh nghiệp của EU tham gia thực hiện cơ chế phát triển sạch mà Việt Nam vốn có tiềm năng, gắn với việc phát triển kinh tế xã hội mà Đảng và Nhà nước Việt Nam, đặc biệt ưu tiên lĩnh vực đột phá trong phát triển kinh tế xã hội mà Đại hội Đảng lần thứ XI đề ra là xây dựng cơ sở hạ tầng (giao thông, năng lượng, công nghiệp), những lĩnh vực vừa đảm bảo gắn việc thu hút công nghệ tiên tiến gắn với việc chuyển giao công nghệ, bí quyết kỹ thuật… nhất là về công nghệ thông tin và công nghệ sinh học đảm bảo phát triển bền vững, gắn được mục tiêu cắt giảm khí phát thải mà EU cam kết, đồng thời Việt Nam cũng thực hiện được mục tiêu phát triển bền vững, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường.

Thứ ba, tăng cường hợp tác với EU đàm phán song phương với EU về thương mại giảm phát thải cho các dự án CDM đăng ký sau 31/12/2012. Sau những bỡ ngỡ triển khai cơ chế phát triển sạch, hiện nay nhiều dự án CDM đã được EB nên thị trường mua lượng giảm phát thải (CER) tại Việt Nam ngày càng quan tâm. Nhiều nhà đầu tư từ châu Âu hoặc châu Á là những bên mua CER cho mục đích thực hiện cam kết giảm phát thải của chính mình. Ví dụ, các dự án CDM đã và đang triển khai là quỹ các-bon và cơ quan trung gian như Tricorona AB, EDF Trading, Bunge Emissions Holdings Sarl (Thụy Sỹ)… (Xem thêm hình 1)

Hình 1: **Phân bố các nhà tư vấn/đầu tư/mua theo khu vực địa lý các dự án CDM**

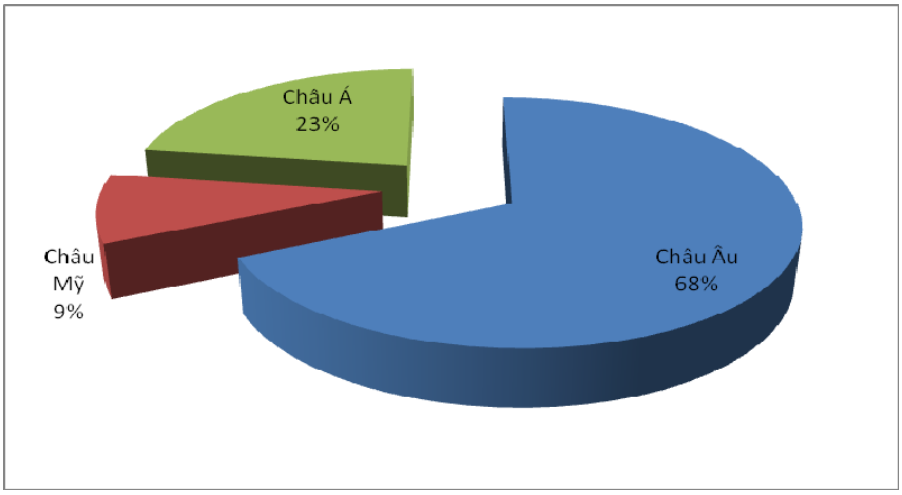

Nguồn: Tổng hợp của tác giả, số liệu lấy tại Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Rõ ràng, những lợi ích mà cơ chế phát triển sạch (CDM) ở các nước đang phát triển – trong đó có Việt Nam và cơ chế ETS thực hiện đối với các nước phát triển – trong đó có EU là không thể phủ nhận. Việt Nam và EU không chỉ xúc tiến cơ chế hợp tác song phương, mà còn chủ động đàm phán đa phương giữa EU – ASEAN về các thỏa thuận, hiệp định đa phương và song phương về biến đổi khí hậu. Mặt khác, Việt Nam hợp tác với EU và các quốc gia, các tổ chức quốc tế khác trong quá trình đàm phán thực hiện Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu, Nghị định thư Kyoto và các điều ước quốc tế khác có liên quan nhằm kéo dài hiệu lực, đảm bảo thực thi cuộc chiến chống biến đổi khí hậu.

Như vậy, trong bối cảnh phát triển mới, quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu đặt ra nhiều cơ hội có thể khai thác nhằm đáp ứng nhu cầu và lợi ích của cả hai phía. Không chỉ hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, Việt Nam và Liên minh Châu Âu đã chú trọng hợp tác trong lĩnh vực môi trường. Tiềm năng phát triển các dự án theo cơ chế phát triển sạch ở Việt Nam là rất lớn, đặc biệt là những lĩnh vực năng lượng, giao thông, trồng rừng, quy trình công nghiệp, nông lâm nghiệp… EU là một đối tác hàng đầu trong thúc đẩy hợp tác khu vực cũng như toàn cầu trong bảo vệ môi trường. Một mặt EU thực hiện cam kết cắt giảm chất gây hiệu ứng nhà kính tại khu vực, mặt khác EU cũng muốn thông qua hợp tác với các nước, trong đó có Việt Nam, thực

hiện ứng phó biến đổi khí hậu. Việc liên kết cơ chế ETS và CDM của EU với các dự án ở Việt Nam góp phần thực hiện các cam kết cắt giảm chất thải giai đoạn 2008 – 2012, cũng như giai đoạn cắt giảm theo cơ chế ETS của Liên minh Châu Âu giai đoạn 2013 – 2020. Thực hiện, hỗ trợ và hợp tác giữa EU và Việt Nam trong lĩnh vực môi trường góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững cũng như giúp Việt Nam thực hiện tốt chiến lược ứng phó biến đổi khí hậu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Denny Ellerman Paul L. Joskow, *"The European Union's Emissions Trading System in perspective"* http://www.pewclimate.org/docUploads/EU-ETS-In-Perspective-Report.pdf, tải ngày 1 tháng 10 năm 2011.

2. Delphine Brissonneau, "*Climate Change Policy of the European Union*", http://www.tei.or.th/Event/eip/080707-ICS-CDM-EU.pdf, tải ngày 1 tháng 10 năm 2011.

3. Christian Egenhofer, Monica Alessi, Anton Georgiev và Noriko Fujiwara "*The EU Emissions Trading System and Climate Policy towards 2050".*

4. Larry Parker, *Climate Change: The European Union's Emissions Trading System (EU-ETS),* http://www.au.af.mil/au/awc/awcgate/crs/rl33581.pdf, tải ngày 30 tháng 9 năm 2011

5. Chính phủ, *Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu*, nguồn: www.chinhphu.vn

6. Lê Thành Ý, *Ứng phó với biến đổi khí hậu, chủ trương và bất cập trong thực thi chính sách***,** http://www.tapchicongnghiep.vn/News/channel/1/News/338/15459/Chitiet.html, tải ngày 15 tháng 8 năm 2011.

7. Nguyễn Quang Thuấn và Trần Thị Thu Huyền, *Cơ chế phát triển sạch (CDM) và chính sách triển khai cơ chế sạch ở Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, Số 1(11)2010. T.Anh

8. Nguyễn An Hà và Đặng Minh Đức, *Thực hiện cơ chế phát triển sạch (CDM): góc nhìn doanh nghiệp*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, số 1 (11) 2010, T.Anh.

9. Tạp chí Hoạt động Khoa học, *Các vấn đề khi áp dụng cơ chế phát triển sạch ở Việt Nam*, http://www.tchdkh.org.vn/tchitiet.asp?code=1687, tải ngày 8 tháng 7 năm 2010.